

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12 /2020/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 24 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ thực hiện
trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của
Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;
Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân
dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh tại Tờ trình số 2770/TTr-VP ngày 23 tháng 4
năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ báo cáo định kỳ thực hiện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 4. tháng 5. năm 2020 và bãi bỏ Quyết định số 1192/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Cục Kiểm soát TTHC – VPCP;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL– BTP;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP; TTCB-TH; HCC;
- Lưu: VT, VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Ngọc

QUY ĐỊNH

Chế độ báo cáo định kỳ thực hiện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 12 /2020/QĐ-UBND

ngày 24 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Tây Ninh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định chế độ báo cáo định kỳ thực hiện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh nhằm phục vụ yêu cầu quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Quyết định này không điều chỉnh:
 - a) Chế độ báo cáo định kỳ tại các văn bản do cơ quan Trung ương quy định;
 - b) Chế độ báo cáo định kỳ không thuộc danh mục chế độ báo cáo định kỳ tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này;
 - c) Chế độ báo cáo đột xuất;
 - d) Chế độ báo cáo chuyên đề.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan hành chính nhà nước các cấp; các cơ quan Trung ương được tổ chức theo hệ thống ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh (gọi chung là cơ quan, đơn vị); cán bộ, công chức, viên chức có liên quan đến việc ban hành và thực hiện các chế độ báo cáo.
2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nguyên tắc báo cáo

1. Bảo đảm cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ phục vụ hiệu quả cho hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Nội dung chế độ báo cáo phải phù hợp với quy định tại các văn bản do cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền ban hành.
3. Các số liệu yêu cầu báo cáo phải đồng bộ, thống nhất về khái niệm, phương pháp tính và đơn vị tính để bảo đảm thuận lợi cho việc tổng hợp, chia sẻ thông tin báo cáo.
4. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển dần từ báo cáo bằng văn bản giấy sang báo cáo điện tử. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, phối hợp, chia sẻ thông tin và gắn công tác CCHC với việc thực hiện chế độ báo cáo.

Điều 4. Nội dung yêu cầu báo cáo

1. Nội dung yêu cầu báo cáo phải bảo đảm sự cần thiết nhằm phục vụ mục tiêu quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền.

2. Nội dung báo cáo nêu rõ những vấn đề cần tập trung báo cáo, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất, kiến nghị (nếu có).

3. Tùy từng trường hợp cụ thể, nội dung báo cáo có thể chỉ có phần lời văn bản, chỉ có phần số liệu hoặc bao gồm cả phần lời văn và phần số liệu.

Điều 5. Thời gian chốt số liệu báo cáo

1. Báo cáo định kỳ hằng tháng: Tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo.

2. Báo cáo định kỳ hằng quý: Tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo.

3. Báo cáo định kỳ 6 tháng: Thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Thời gian chốt số liệu 6 tháng cuối năm được tính từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

4. Báo cáo định kỳ 9 tháng: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 9 của kỳ báo cáo.

5. Báo cáo định kỳ hằng năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Điều 6. Hình thức báo cáo, phương thức gửi báo cáo

1. Hình thức báo cáo: Báo cáo phải được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử.

2. Phương thức gửi báo cáo:

a) Gửi qua phần mềm văn phòng điện tử eGov;

b) Gửi qua hệ thống thư điện tử;

c) Gửi qua fax;

d) Gửi trực tiếp;

đ) Gửi qua dịch vụ bưu chính;

e) Gửi qua Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh;

g) Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Thời hạn gửi báo cáo

1. Thời hạn cơ quan chủ trì gửi báo cáo định kỳ cho Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh) chậm nhất vào ngày 25 của tháng cuối kỳ báo cáo.

2. Thời hạn gửi các kỳ báo cáo vào các thời điểm sau:

a) UBND cấp xã, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi báo cáo cho UBND cấp huyện tổng hợp chậm nhất vào ngày 17 của tháng cuối kỳ báo cáo;

b) UBND cấp huyện và các sở, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan Trung ương được tổ chức theo hệ thống ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có liên quan gửi báo cáo cho cơ quan, ban, ngành chủ trì tổng hợp chậm nhất vào ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo;

c) Trường hợp thời hạn báo cáo định kỳ trùng vào ngày nghỉ hàng tuần hoặc ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì thời hạn nhận báo cáo định kỳ được tính vào ngày làm việc tiếp theo sau ngày nghỉ đó.

3. Riêng đối với báo cáo tình hình kinh tế - xã hội được thực hiện như sau:

a) Đối với báo cáo định kỳ hàng tháng: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư chậm nhất vào ngày 18 của tháng thuộc kỳ báo cáo. Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi UBND tỉnh (thông qua Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh) chậm nhất vào ngày 23 của tháng thuộc kỳ báo cáo;

b) Đối với báo cáo quý I, 6 tháng, 9 tháng và báo cáo năm: Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư chậm nhất vào ngày 16 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo (Cụ thể đối với báo cáo quý I là ngày 16 tháng 3; báo cáo 6 tháng là ngày 16 tháng 6; báo cáo 9 tháng là ngày 16 tháng 9 và báo cáo năm là ngày 16 tháng 12 hàng năm). Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi UBND tỉnh (thông qua Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh) chậm nhất vào ngày 20 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo (Cụ thể đối với báo cáo quý I là ngày 20 tháng 3; báo cáo 6 tháng là ngày 20 tháng 6; báo cáo 9 tháng là ngày 20 tháng 9 và báo cáo năm là ngày 20 tháng 12 hàng năm).

Điều 8. Danh mục báo cáo định kỳ

1. Danh mục báo cáo định kỳ, đề cương báo cáo, biểu mẫu báo cáo thực hiện theo các Phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Công bố Danh mục báo cáo định kỳ

a) Danh mục báo cáo định kỳ được công bố trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Tây Ninh. Nội dung công bố gồm: Tên báo cáo, đối tượng thực hiện báo cáo, cơ quan nhận báo cáo, tần suất thực hiện báo cáo, đề cương, biểu mẫu báo cáo và văn bản quy định chế độ báo cáo;

b) Danh mục báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh phải được cập nhật, công bố thường xuyên khi có sự thay đổi.

Các sở, ban, ngành tỉnh được giao chủ trì thực hiện các chế độ báo cáo định kỳ theo danh mục tại quyết định này chủ động phối hợp với Văn phòng Đoàn đại

biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Danh mục báo cáo định kỳ đảm bảo phù hợp với yêu cầu phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước của tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

Chương III **ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN** **TRONG THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

Điều 9. Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ báo cáo

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện chế độ báo cáo để thực hiện báo cáo điện tử, thuận lợi cho việc tổng hợp, chia sẻ thông tin báo cáo và tiết kiệm thời gian, chi phí trong quá trình thực hiện báo cáo.

2. Giá trị pháp lý của báo cáo điện tử và việc sử dụng chữ ký số, xây dựng các biểu mẫu điện tử thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

Điều 10. Yêu cầu về chức năng cơ bản của Hệ thống thông tin báo cáo

Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh được xây dựng trên cơ sở chế độ báo cáo do địa phương ban hành, trong đó phải bảo đảm chức năng hỗ trợ tạo lập chỉ tiêu, báo cáo theo biểu mẫu trên hệ thống; bảo đảm khả năng phân bổ chỉ tiêu, biểu mẫu báo cáo từ Ủy ban nhân dân tỉnh xuống các cơ quan, đơn vị trực thuộc, các tổ chức, cá nhân có liên quan; tổng hợp số liệu báo cáo; cho phép các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng để cập nhật, chia sẻ số liệu báo cáo theo quy định và phục vụ báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền.

Điều 11. Hạ tầng kỹ thuật, công nghệ

Hạ tầng kỹ thuật kết nối Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh phải được duy trì ổn định, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ.

Điều 12. Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh

1. Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh xây dựng theo kế hoạch của UBND tỉnh phê duyệt.

2. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, tổ chức điều phối việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh với hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ đảm bảo thông suốt, hiệu quả.

Chương IV **TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ** **VÀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

Điều 13. Trách nhiệm công khai, chia sẻ thông tin báo cáo

1. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện cung cấp, chia sẻ và công khai thông tin báo cáo theo quy định tại Điều 9, Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin.

2. Đầu mối quản lý, lưu trữ, chia sẻ thông tin báo cáo như sau:

a) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý, lưu trữ, chia sẻ các thông tin báo cáo do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh ban hành;

b) Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND cấp huyện giúp UBND cấp huyện quản lý, lưu trữ, chia sẻ các thông tin báo cáo do các cơ quan, đơn vị cấp huyện thuộc địa bàn quản lý ban hành;

c) Công chức văn phòng - thống kê của UBND cấp xã giúp UBND cấp xã quản lý, lưu trữ, chia sẻ các thông tin báo cáo do UBND cấp xã ban hành.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, công chức và cá nhân, tổ chức có liên quan trong việc thực hiện chế độ báo cáo

1. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, đúng quy trình, thời hạn của các chế độ báo cáo.

2. Các thông tin, số liệu báo cáo phải bảo đảm tính chính xác, khách quan, trung thực, phản ánh đúng thực tế.

3. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc chia sẻ, cung cấp thông tin, số liệu báo cáo khi được yêu cầu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, số liệu báo cáo do mình cung cấp.

4. Người ký báo cáo phải đúng thẩm quyền, phù hợp với từng loại báo cáo và chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân báo cáo.

5. Bố trí cán bộ, công chức, viên chức có năng lực, chuyên môn phù hợp để thực hiện công tác báo cáo.

6. Các cơ quan, đơn vị, công chức và cá nhân, tổ chức có liên quan có hành vi vi phạm quy định tại Quy định này, tùy theo tính chất và mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

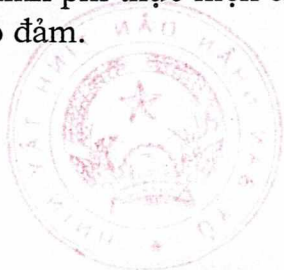
Chương V

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

Điều 15. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện chế độ báo cáo của các cơ quan, đơn vị được bố trí trong kinh phí chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Kinh phí thực hiện chế độ báo cáo của tổ chức, cá nhân do tổ chức, cá nhân đó tự bảo đảm.



3. Kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin báo cáo của các cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đấu thầu, công nghệ thông tin và pháp luật khác có liên quan.

Điều 16. Trách nhiệm thực hiện

1. Trách nhiệm của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra nội dung công bố danh mục báo cáo định kỳ do cơ quan chủ trì gửi đến;

b) Chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức xây dựng, quản lý và vận hành các hệ thống thông tin báo cáo theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ và Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

a) Hướng dẫn, tổ chức tập huấn cho các đối tượng thực hiện báo cáo; vận hành xác định cấp độ bảo đảm an toàn thông tin và thực hiện phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin báo cáo thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật;

b) Thiết lập các hệ thống giám sát, phòng, chống tấn công, chống thất thoát dữ liệu, phòng, chống vi rút để bảo đảm an toàn, an ninh cho hệ thống.

3. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan chủ trì hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí tài chính để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Ngoài những nội dung quy định tại Quyết định này, thì những nội dung khác thực hiện theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Kí CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Ngọc

Phụ lục I
DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH
(Kèm theo Quyết định số 183 /2020/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Tên báo cáo	Cơ quan thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Kỳ báo cáo/tần suất thực hiện báo cáo	Mẫu đề cương báo cáo/biểu mẫu số liệu báo cáo	Cơ quan chủ trì tổng hợp báo cáo chung của toàn tỉnh
1	Báo cáo tình hình thực hiện về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu quả thời gian làm việc trong các cơ quan, đơn vị	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	- Sở Nội vụ nhận báo cáo từ các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện. - UBND cấp huyện nhận báo cáo từ các cơ quan trên địa bàn cấp huyện. - UBND tỉnh nhận báo cáo hoàn chỉnh trên cơ sở tổng hợp tham mưu của Sở Nội vụ.	02 lần/năm (báo cáo 6 tháng và năm)	Phụ lục II, Mẫu số 01 kèm theo	Sở Nội vụ
2	Báo cáo tình hình, kết quả quy định phân cấp nhiệm vụ chi, mức chi kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	- Sở Tài nguyên và Môi trường nhận báo cáo từ các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện. - UBND cấp huyện nhận báo cáo từ các cơ quan trên địa bàn	01 lần/năm (Báo cáo năm)	Phụ lục II, Mẫu số 02 kèm theo	Sở Tài nguyên và Môi trường

			- cấp huyện. - UBND nhận báo cáo hoàn chỉnh trên cơ sở tổng hợp tham mưu của Sở Tài nguyên và Môi trường. - Sở Công Thương nhận báo cáo từ UBND cấp huyện. - UBND cấp huyện nhận báo cáo từ các cơ quan trên địa bàn cấp huyện. - UBND tỉnh nhận báo cáo hoàn chỉnh trên			
3	Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp quản lý	UBND cấp huyện, cấp xã	- Sở Nội vụ nhận báo cáo từ các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện. - UBND cấp huyện nhận báo cáo từ các cơ quan trên địa bàn cấp huyện. - UBND tỉnh nhận báo cáo hoàn chỉnh trên	04 lần/năm (Báo cáo 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và năm)	Phụ lục II, Mẫu số 03 kèm theo	Sở Công thương
4	Báo cáo công tác địa giới hành chính	UBND cấp huyện, cấp xã	- Sở Nội vụ nhận báo cáo từ các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện. - UBND cấp huyện nhận báo cáo từ các cơ quan trên địa bàn cấp huyện. - UBND tỉnh nhận báo cáo hoàn chỉnh trên	01 lần/năm (báo cáo năm)	Phụ lục III, Biểu số 01, 02, 03, 04 kèm theo	Sở Nội vụ

			cơ sở tổng hợp tham mưu của Sở Nội vụ. - Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận báo cáo từ các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện. - UBND cấp huyện nhận báo cáo từ các cơ quan trên địa bàn cấp huyện. - UBND tỉnh nhận báo cáo hoàn chỉnh trên cơ sở tổng hợp tham mưu của Sở Kế hoạch và Đầu tư.	12 lần/năm (Bảo tháng, quý I, 6 tháng, 9 tháng và năm. Lưu ý: Không thực hiện báo cáo tháng đối với báo cáo tháng bị trùng vào kỳ báo cáo quý I, 6 tháng, 9 tháng và năm)	Phụ lục IV, Mẫu đề cương báo cáo, Biểu số 01, 02 kèm theo	Sở Kế hoạch và Đầu tư
5	Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã				
6	Báo cáo kết quả cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm và kết quả cho vay hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ nguồn vốn huy động	Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Tây Ninh	- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nhận báo cáo từ Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Tây Ninh. - UBND tỉnh nhận báo cáo hoàn chỉnh trên cơ sở tổng hợp tham mưu của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	4 lần/năm (Báo cáo quý I, II, III, IV)	Phụ lục V, biểu số 01, 02 kèm theo	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

7	Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn theo phân cấp quản lý	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận báo cáo từ các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện. - UBND cấp huyện nhận báo cáo từ các cơ quan trên địa bàn cấp huyện. - UBND tỉnh nhận báo cáo hoàn chỉnh trên cơ sở tổng hợp	02 lần/năm (6 tháng và năm)	Phụ lục VI, Mẫu đề cương báo cáo, biểu số 01, 02, 03, 04, 05, 06 kèm theo	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Báo cáo về công tác quản lý hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã	- Sở Xây dựng nhận báo cáo từ Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và UBND cấp huyện. - UBND cấp huyện nhận báo cáo từ các cơ quan trên địa bàn cấp huyện. - UBND tỉnh nhận báo cáo hoàn chỉnh trên cơ sở tổng hợp	01 lần/năm (báo cáo năm)	Phụ lục VII, mẫu số 01, 02 kèm theo	Sở Xây dựng

			tham mưu của Sở Xây dựng.			
9	Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của các sở, ngành trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh	- Sở Khoa học và Công nghệ nhận báo cáo từ các sở, ban, ngành tỉnh. - UBND tỉnh nhận báo cáo hoàn chỉnh trên cơ sở tổng hợp tham mưu của Sở Khoa học và Công nghệ.	02 lần/năm (báo cáo 6 tháng và năm)	Phụ lục VIII, Mẫu đề cương báo cáo, biểu số 01, 02, 03, 04 kèm theo	Sở Khoa học và Công nghệ

Phụ lục II

(Kèm theo Quyết định số 184 /2020/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Tên mẫu đề cương báo cáo
1	Mẫu số 01 - Báo cáo tình hình thực hiện về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu quả thời gian làm việc trong các cơ quan, đơn vị
2	Mẫu số 02 - Báo cáo tình hình, kết quả quy định phân cấp nhiệm vụ chi, mức chi kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh
3	Mẫu số 03 - Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp quản lý

Mẫu số 01 - Báo cáo tình hình thực hiện về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu quả thời gian làm việc trong các cơ quan, đơn vị

.....
.....
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-.....

Tây Ninh, ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 06/6/2013
của Chủ tịch UBND tỉnh và Công văn số 3232/UBND-NC
ngày 15/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh.....**

Thực hiện Chỉ thị số 05/ CT-UBND ngày 06/6/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, nâng cao hiệu quả thời gian làm việc trong các cơ quan, đơn vị và Công văn số 3232/UBND-NC ngày 15/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố... báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị số 05/ CT-UBND như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo điều hành

- Các văn bản đã được ban hành nhằm tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 06/6/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh và Công văn số 3232/UBND-NC ngày 15/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh (Quyết định kiện toàn tổ kiểm tra công vụ, kế hoạch kiểm tra công vụ thường xuyên, công văn chỉ đạo...).

- Công tác triển khai, quán triệt và tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo điều hành.

2. Kết quả kiểm tra

- Số cuộc kiểm tra:cuộc;

- Nội dung kiểm tra:

- Số cơ quan, đơn vị được kiểm tra:.....cơ quan/đơn vị (nêu cụ thể tên cơ quan, đơn vị đã được kiểm tra);

- Số trường hợp tiếp nhận thông qua đường dây nóng:.....trường hợp (nêu cụ thể tên cơ quan, đơn vị, cá nhân đã được kiểm tra thông qua đường dây nóng);

- Số trường hợp vi phạm:

+ Tập thể:trường hợp (nêu cụ thể tên cơ quan, đơn vị vi phạm và nội dung vi phạm của từng trường hợp);

+ Cá nhân:..... trường hợp (nêu cụ thể tên cá nhân vi phạm và nội dung vi phạm của từng trường hợp);

3. Kết quả xử lý vi phạm

- Kết quả xử lý vi phạm do công tác tự kiểm tra của cơ quan, đơn vị (nêu cụ thể hình thức xử lý đối với từng trường hợp vi phạm):

+ Tập thể:.....

+ Cá nhân:.....

- Kết quả xử lý vi phạm do Sở Nội vụ chuyển đến (nêu cụ thể hình thức xử lý đối với từng trường hợp vi phạm):

+ Tập thể:.....

+ Cá nhân:.....

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Mặt làm được

2. Mặt hạn chế

3. Nguyên nhân

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT (nếu có)

IV. PHƯƠNG HƯỚNG TRONG THỜI GIAN TỚI

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (Thanh tra Sở);
-
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02 - Báo cáo tình hình, kết quả quy định phân cấp nhiệm vụ chi, mức chi kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

(Cơ quan chủ quản)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-.....

Tây Ninh, ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO

tình hình, kết quả quy định phân cấp nhiệm vụ chi, mức chi kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm

I. Đánh giá công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường ở địa phương năm

1.1. Việc thi hành và tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

1.2. Công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

1.3. Công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật

II. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường và sử dụng ngân sách sự nghiệp môi trường năm

1. Đánh giá tình hình triển khai các nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo Thông tư số 02/2017/TT-BTC và Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND

(Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện 15 nhiệm vụ chi cấp tỉnh, 09 nhiệm vụ chi cấp huyện và 03 nhiệm vụ chi cấp xã)

2. Dự kiến mức độ hoàn thành kế hoạch năm(Đánh giá mức độ hoàn thành từng nhiệm vụ, dự án)

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm (trước kỳ báo cáo)	Tiến độ giải ngân (dự kiến đến hết năm báo cáo)	Tiến độ giải ngân (%)
1	Nhiệm vụ chuyển tiếp					
1.1						
1.2						
1.3						
.						

2	Nhiệm vụ mới					
2.1						
2.2						
2.3						
.						
	Tổng kinh phí					

3. Những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

3.1. Kết quả đạt được

3.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

III. Kiến nghị và đề xuất.

Trên đây là báo cáo của về tình hình, kết quả quy định phân cấp nhiệm vụ chi, mức chi kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm/.

Nơi nhận:

- Sở TN&MT;

-

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03 - Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp quản lý

.....
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-.....

Tây Ninh, ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO

Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp quản lý

Thực hiện công văn

..... báo cáo như sau:

I. Kết quả hoạt động công tác đảm bảo ATTP (3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và năm)

1. Công tác triển khai

2. Kết quả thanh tra, kiểm tra, công tác quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ nấu ăn, bếp ăn tập thể, thức ăn đường phố

Tổng số cơ sở kiểm tra trong (3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và năm.....) là cơ sở, đạt tỷ lệ%

*** Trong đó:**

- Số cơ sở đạt:
- Số bị đóng cửa:
- Số cơ sở bị hủy SP: (.....).
- Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành sản phẩm:
- Số sản phẩm bị đình chỉ lưu hành:
- Số cơ sở phải khắc phục về nhãn:
- Số loại sản phẩm có nhãn phải khắc phục:
- Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu quảng cáo:
- Số tài liệu quảng cáo bị đình chỉ lưu hành:
- Các xử lý khác (kí cam kết,...):
- Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý:
- Số cơ sở có vi phạm nhưng không xử lý (chỉ nhắc nhở):

3. Kiểm tra kiến thức ATTP, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ ĐK ATTP

a) Tổ chức đợt kiểm tra kiến thức ATTP, số người được xác nhận kiến thức người.

b) Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.

II. Phương hướng nhiệm vụ

- Tiếp tục tiến hành thanh, kiểm tra, giám sát ATTP đối với các cơ sở.
- Tuyên truyền trên loa phát thanh xã, huyện phổ biến kiến thức, cấp giấy xác nhận kiến thức ATTP cho các cơ sở.

-

III . Khó khăn, vướng mắc và kiến nghị:

1. Khó khăn:

2. Kiến nghị:

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động đảm bảo an toàn thực phẩm của

.....

Nơi nhận:

- Sở Công Thương;

-

- Lưu:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục III

Báo cáo công tác địa giới hành chính

(Kèm theo Quyết định số 12 /2020/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Tên biểu mẫu báo cáo
1	Biểu số 01 – Danh sách cán bộ, công chức được giao quản lý hồ sơ, bản đồ, cột mốc địa giới hành chính năm
2	Biểu số 02 – Hiện trạng cột mốc địa giới hành chính được giao quản lý trên địa bàn cấp huyện năm
3	Biểu số 03 – Bảng tổng hợp thống kê hiện trạng tuyến địa giới hành chính năm
4	Biểu số 04 – Bảng tổng hợp thống kê hiện trạng mốc địa giới hành chính năm

Biểu số 01 – Danh sách cán bộ, công chức được giao quản lý hồ sơ, bản đồ, cột mốc địa giới hành chính năm

.....
.....
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ HỒ SƠ, BẢN ĐỒ, CỘT MỐC ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH NĂM ...

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	CHỨC VỤ/CHỨC DANH	ĐIỆN THOẠI LIÊN LẠC
1		Xã....		
2				
3				
...				

**Ghi chú: Chức vụ, chức danh viết tắt theo danh mục viết tắt tại Mẫu số 01.*

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ và tên)

Tây Ninh, ngày tháng năm 20..
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 02 – Hiện trạng cột mốc địa giới hành chính được giao quản lý trên địa bàn cấp huyện năm

.....
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HIỆN TRẠNG CỘT MỐC ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ
TRÊN ĐỊA BÀN CẤP HUYỆN NĂM...**

STT	Cột mốc được giao QL (Ghi số hiệu)	Tình trạng quản lý					
		Tốt	Hư hỏng	Địch chuyển	Mất	Khác (ghi rõ)	Nguyên nhân
1							
2							
3							
...							

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ và tên)

Tây Ninh, ngày tháng năm 20..
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 03 – Bảng tổng hợp thống kê hiện trạng tuyển địa giới hành chính năm

.....
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP
THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG TUYỂN ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH NĂM

STT	Tuyển địa giới hành chính (giữa.....và.....)	Cấp địa giới hành chính			Tình trạng tuyển ĐGHC		
		Tỉnh	Huyện	Xã	Phù hợp hồ sơ, bản đồ 364	Không phù hợp hồ sơ, bản đồ 364	Xác định theo ND/NQ của TW
1							
2							
3							
4							
...							

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ và tên)

Tây Ninh, ngày tháng năm 20..
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 04 – Bảng tổng hợp thống kê hiện trạng mốc địa giới hành chính năm

.....
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP
THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG MỐC ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH NĂM

STT	Tên xã	Tổng số mốc được giao quản lý	Cấp mốc			Tình trạng mốc								
			Tỉnh	Huyện	Xã	Mất			Hỏng			Sai vị trí		
						Tỉnh	Huyện	Xã	Tỉnh	Huyện	Xã	Tỉnh	Huyện	Xã

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ và tên)

Tây Ninh, ngày tháng năm 20..
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

***Ghi chú:**

- Tên mốc mất:

+.....(xã, phường, thị trấn);

+.....(xã, phường, thị trấn).

- Tên mốc hư, hỏng:

+.....(xã, phường, thị trấn);

+.....(xã, phường, thị trấn).

- Tên mốc nằm sai vị trí:

+.....(xã, phường, thị trấn);

+.....(xã, phường, thị trấn).

Phụ lục IV

Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

(Kèm theo Quyết định số 12 /2020/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Tên đề cương và biểu mẫu báo cáo
1	Mẫu đề cương báo cáo – Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Tây Ninh
2	Biểu số 01 – Biểu các chỉ tiêu kinh tế – xã hội (Báo cáo tháng, quý I, 6 tháng, 9 tháng)
3	Biểu số 02 – Biểu các chỉ tiêu kinh tế – xã hội (Báo cáo năm)

.....
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

I. CĂN CỨ THỰC HIỆN BÁO CÁO

1. Các Chương trình, Đề án của Chính phủ, Bộ, Ngành Trung ương và Tỉnh ủy;
2. Các quyết định của UBND tỉnh;
3. Các kết luận, chỉ đạo của Lãnh đạo UBND tỉnh;
4. Kế hoạch của ngành, địa phương.

II. NỘI DUNG BÁO CÁO: gồm 3 phần

Phần I: ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KỲ BÁO CÁO (tháng, quý I, 6 tháng, 9 tháng và năm)

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực ngành, địa phương phụ trách.
2. Đánh giá những mặt làm được, những hạn chế, nguyên nhân;

Phần II: PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Những thuận lợi, khó khăn;
2. Mục tiêu, chỉ tiêu;
3. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch.

Phần III: KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Ngoài ra, đề nghị các ngành, địa phương thực hiện các mẫu biểu có liên quan (*đính kèm các biểu số 1, 2*)

Biểu số 1: Biểu chỉ tiêu kinh tế – xã hội (Báo cáo tháng, quý I, 6 tháng và 9 tháng).

Biểu số 2: Biểu chỉ tiêu kinh tế – xã hội (Báo cáo năm).

Nơi nhận:

- Sở KHĐT;
- Lưu: VT;

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 01 – Biểu các chỉ tiêu kinh tế – xã hội (Tháng, quý I, 6 tháng, 9 tháng)

.....
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu các chỉ tiêu kinh tế – xã hội (Tháng, quý I, 6 tháng và 9 tháng)

TT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch hàng năm	Ước thực hiện kỳ báo cáo	Thực hiện cùng kỳ	SO SÁNH (%)	
					Kế hoạch	Cùng kỳ
1						
2						

Người lập biểu

Tây Ninh, ngày tháng năm
Thủ trưởng
Ký tên, đóng dấu

Biểu số 02 – Biểu các chỉ tiêu kinh tế – xã hội năm

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu các chỉ tiêu kinh tế – xã hội năm

TT	CHỈ TIÊU	Thực hiện cùng kỳ	Kế hoạch hàng năm	Ước thực hiện kỳ báo cáo	Kế hoạch kỳ tới kỳ báo cáo	SO SÁNH (%)		
						Ước thực hiện kỳ báo cáo KH hàng năm	Ước thực hiện kỳ báo cáo Cùng kỳ	KH hàng năm Ước thực hiện kỳ báo cáo
1								
2								

Người lập biểu
 (ký, ghi rõ họ và tên)

Tây Ninh, ngày tháng năm 20..
Thủ trưởng
 (Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục V

Báo cáo kết quả cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm và kết quả cho vay hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ nguồn vốn huy động
(Kèm theo Quyết định số 12 /2020/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Tên biểu mẫu
1	Biểu số 01 – Báo cáo kết quả cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn huy động
2	Biểu số 02 – Báo cáo kết quả cho vay ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ nguồn vốn huy động

Biểu số 01 – Báo cáo kết quả cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ người vốn huy động

.....
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-.....

Tây Ninh, ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM TỪ NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG
(Từ 01/01/ đến .../.../)

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh/thành phố

Đơn vị: triệu đồng, dự án, người

STT	Quận, huyện, thị xã, thành phố	Nguồn vốn cho vay	Doanh số cho vay	Số vốn tồn đọng	Số dự án cho vay									Số người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm							
					Dự án của người lao động			Dự án của cơ sở sản xuất, kinh doanh			Dự án của người lao động			Dự án của cơ sở sản xuất, kinh doanh							
					Tồn số	Tồn số	Người i dân tộc thiểu số	Cơ sở SXKD sử dụng nhiều lao động là người khuyết t	Cơ sở SXKD sử dụng nhiều lao động là người dân tộc	Cơ sở SXKD sử dụng nhiều người khuyết tật & người dân tộc thiểu	Tồn số	Tồn số	Lao động nữ	Người i dân tộc thiểu số	Tồn số	Lao động nữ	Người i dân tộc thiểu số				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
1																					

[illegible]

....., ngày ... tháng ... năm
GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Biểu số 02 – Báo cáo kết quả cho vay ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ nguồn vốn huy động

.....
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-.....

Tây Ninh, ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG TỪ NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG
(Từ 01/01/ đến.../.../)

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh/thành phố

Đơn vị: triệu đồng, người

STT	Quận, huyện, thị xã, thành phố	Nguồn vốn cho vay	Doanh số cho vay	Số vốn tồn đọng	Số người lao động được vay ưu đãi đi làm việc ở nước ngoài							
					Tổng số	Lao động nữ	Thuộc hộ cận nghèo	Thân nhân người có công với cách mạng	Quốc gia/vùng lãnh thổ đi làm việc theo hợp đồng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	Nhật Bản	Hàn Quốc	Đài Loan	Khác
1									(10)	(11)	(12)	(13)
...												
TỔNG CỘNG	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

....., ngày ... tháng ... năm.....
GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phụ lục VI

Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn theo phân cấp quản lý

(Kèm theo Quyết định số 12 /2020/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Tên đề cương và biểu mẫu báo cáo
1	Mẫu đề cương- Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn theo phân cấp quản lý
2	Biểu số 01 – Kết quả phổ biến giáo dục pháp luật; thông tin truyền thông về an toàn thực phẩm
3	Biểu số 02 – Danh sách chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn
4	Biểu số 03 - Thống kê số lượng cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản
5	Biểu số 04 - Cập nhật thông tin về cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản 6 tháng/năm và lũy kế đến 6 tháng/năm (từ các cơ sở phải ký cam kết theo Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT)
6	Biểu số 05 - Kết quả thẩm định để xếp loại và thẩm định đánh giá định kỳ (theo Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT)
7	Biểu số 06 - Kết quả kiểm tra việc thực hiện nội dung đã cam kết (theo Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT)

Mẫu đề cương báo cáo – Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn theo phân cấp quản lý

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-.....

Tây Ninh, ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO

Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn theo phân cấp quản lý

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC 6 THÁNG HOẶC NĂM

1. Công tác tham mưu, điều hành và triển khai chính sách, pháp luật (Nêu cụ thể các văn bản ban hành hoặc tham mưu ban hành và các văn bản).

2. Tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật

2.1. Phổ biến giáo dục pháp luật, thông tin, truyền thông về an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản (thống kê vào biểu số 01).

2.2. Tình hình xây dựng, kết nối chuỗi cung ứng thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn

- Quy hoạch, xây dựng và phát triển các vùng sản xuất nông lâm thủy sản theo hướng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt.

- Hỗ trợ, kết nối chuỗi/cửa hàng cung ứng sản phẩm nông sản an toàn (thống kê vào biểu số 02).

3. Thống kê, cập nhật tình hình quản lý cơ sở đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản

3.1. Triển khai thực hiện Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018

- Về cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (nêu cụ thể số Giấy cấp chứng nhận).

- Về cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm (nêu cụ thể số Giấy cấp xác nhận).

3.2. Triển khai thực hiện Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 (cơ sở không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm)

3.2. Phân loại, cập nhật thông tin cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản trên địa bàn quản lý (thống kê số liệu vào biểu 03,04)

4. Công tác thanh, kiểm tra và giám sát

4.1. Kết quả thanh, kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (cụ thể số cuộc chủ trì thực hiện/bao nhiêu cơ sở /kết quả xử lý vi phạm (nếu có) hoặc số cuộc phối hợp/bao nhiêu cơ sở).

4.2. Thẩm định để xếp loại và thẩm định định kỳ các cơ sở SXKD nông lâm thủy sản thuộc diện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP theo Thông tư 38/2018/TT-BNN/PTNT (thống kê số liệu vào biểu 05).

4.3. Kiểm tra việc thực hiện nội dung đã cam kết của các cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (thống kê số liệu vào biểu 06).

4.4. Giám sát ATTP sản phẩm nông lâm thủy sản (việc xây dựng kế hoạch và kết quả triển khai thực hiện công tác giám sát điều kiện ATTP).

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt làm được

2. Tồn tại, hạn chế

3. Nguyên nhân

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CÔNG TÁC 6 THÁNG CUỐI NĂM/ NĂM

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:

- Sở NN và PTNT;

- Lưu: VT;

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 01 – Kết quả phổ biến giáo dục pháp luật; thông tin truyền thông về an toàn thực phẩm

.....
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày tháng năm 20...

Kết quả phổ biến giáo dục pháp luật; thông tin truyền thông về an toàn thực phẩm

STT	Tên hoạt động / Sản phẩm truyền thông	Đơn vị tính	Số người tham dự/đối tượng (người dân; hộ SX, KD; cán bộ)/phạm vi bao phủ
I	Phổ biến giáo dục pháp luật		
1	Hội nghị phổ biến văn bản QPPL	Số lượng/buổi	
....			
II	Thông tin, truyền thông		
1	Chuyên mục tọa đàm	Buổi	
2	Báo viết, Bản tin trên trang thông tin điện tử	Bài	
3	Phát thanh	tin/phút, lượt	
4	Truyền hình	tin/phút, lượt	
5	Băng rôn, khẩu hiệu	cái	
6	Tờ rơi	tờ	
7	Áp phích	tờ	
8	Sách tuyên truyền	quyển	
9	Băng đĩa hình	cái	
10	Băng đĩa âm	cái	
11	Công tác tuyên truyền khác (nêu cụ thể)	...	

Người lập biểu

Tây Ninh, ngày tháng năm
Thủ trưởng
Ký tên, đóng dấu

Biểu số 02 – Danh sách chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn

.....

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày tháng năm 20...

Danh sách chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn

STT	Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất ban đầu	Tên, địa chỉ cơ sở xử lý sau thu hoạch (sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển...)	Tên, địa chỉ nơi bán sản phẩm (Bán buôn, bán lẻ.)	Loại sản phẩm	Đã được cấp giấy xác nhận chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn (ngày/tháng/năm)
1					
2					
3					
4					

Người lập biểu

Tây Ninh, ngày tháng năm
 Thủ trưởng
 Ký tên, đóng dấu

Biểu số 03 - Thống kê số lượng cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản

.....
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày tháng năm 20....

Thống kê số lượng cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản

Lĩnh vực	Số cơ sở	Phân loại cơ sở				Hình thức quản lý		
		Cơ sở thu gom, sơ chế, đóng gói	Cơ sở sản xuất, chế biến	Cơ sở kinh doanh	Cơ sở giết mổ	Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT	Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT	Quy định khác
Trồng trọt và BVTV (Thực vật và các sản phẩm từ thực vật)								
Chăn nuôi và thú y (Động vật và các sản phẩm từ động vật; thủy sản, sản phẩm thủy sản; muối các loại)								
Tổng								

Người lập biểu

Tây Ninh, ngày tháng năm
Thủ trưởng
Ký tên, đóng dấu

Biểu số 04 - Cập nhật thông tin về cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản 6 tháng/năm và lũy kế đến 6 tháng/năm (trừ các cơ sở phải ký cam kết theo Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT)

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Tây Ninh, ngày tháng năm 20...

Cập nhật thông tin về cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản 6 tháng/năm và lũy kế đến 6 tháng/năm (trừ các cơ sở phải ký cam kết theo Thông tư 17/2018/TT-BNNPTNT)

STT	Tên cơ sở sản xuất kinh doanh	Địa chỉ	Điện thoại	Sản phẩm	Mã số cấp (nếu có)	Ngày thẩm định, xếp loại A/B/C	Kết quả thẩm định, xếp loại	Cấp thống kê, thẩm định, xếp loại (tỉnh/huyện)	Hệ thống QLCL khác (ISO/HACCP/ VietGAP... được cấp còn hiệu lực)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Người lập biểu

Tây Ninh, ngày tháng năm
Thủ trưởng
Ký tên, đóng dấu

Biểu số 05 - Kết quả thẩm định để xếp loại và thẩm định đánh giá định kỳ (theo Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT)

.....
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày tháng năm 20...

Kết quả thẩm định để xếp loại và thẩm định đánh giá định kỳ (theo Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT)

STT	Tên cơ sở sản xuất kinh doanh	Địa chỉ	Điện thoại	Mã số (nếu có)	Tên sản phẩm cụ thể	Thẩm định đánh giá phân loại, thẩm định định kỳ				
						Kết quả xếp loại A/B/C	Ngày thẩm định	Số mẫu lấy	Kết quả mẫu (đạt/không đạt)	Xử lý vi phạm (nếu có)
1										
2										

Ghi chú: (1)Thẩm định để xếp loại: Là hình thức thẩm định có thông báo trước, nhằm thẩm định đầy đủ các nội dung về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở; (2)Thẩm định đánh giá định kỳ: Là hình thức thẩm định không thông báo trước, được áp dụng đối với các cơ sở đã được xếp loại đạt yêu cầu nhằm giám sát việc duy trì điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm.

Người lập biểu

Tây Ninh, ngày tháng năm
Thủ trưởng
Ký tên, đóng dấu

Biên số 6 - Kết quả kiểm tra việc thực hiện nội dung đã cam kết (theo Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT)

.....
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày tháng năm 20...

Kết quả kiểm tra việc thực hiện nội dung đã cam kết (theo Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT)

Tổng số cơ sở thuộc đối tượng triển khai Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT (tính đến thời điểm báo cáo)	Số cơ sở ký cam kết trong 6 tháng/năm và lũy kế đến thời điểm báo cáo	Số cơ sở được kiểm tra trong 6 tháng/năm và lũy kế đến thời điểm báo cáo	Số cơ sở chưa đạt yêu cầu trong 6 tháng/năm và lũy kế đến thời điểm báo cáo	Nguyên nhân chưa đạt yêu cầu

Người lập biên

Tây Ninh, ngày tháng năm
Thủ trưởng
Ký tên, đóng dấu

Phụ lục VII
Báo cáo về công tác quản lý hệ thống thoát nước và xử lý
nước thải trên địa bàn tỉnh
(Kèm theo Quyết định số 12 /2020/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2020
của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Tên mẫu đề cương báo cáo
1	Mẫu số 01 - Đề cương báo cáo về công tác quản lý hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đối với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh
2	Mẫu số 02 - Đề cương báo cáo về công tác quản lý hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đối với cấp huyện, cấp xã

Mẫu số 01 - Đề cương báo cáo về công tác quản lý hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đối với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh

UBND TỈNH TÂY NINH
(TÊN CƠ QUAN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-...

....., ngày tháng năm 202...

BÁO CÁO

Về công tác quản lý hệ thống thoát nước và xử lý nước thải năm 202....

I. Cơ quan đầu mối quản lý hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

- Đơn vị quản lý:; Phòng quản lý:
- Họ và tên:; Chức vụ:
- Điện thoại:; Di động:
- Fax:; Email:

II. Hiện trạng thoát nước và xử lý nước thải khu kinh tế

1. Thông tin chung

- Nước thải và nước mưa được thoát theo hệ thống: ☐ Chung; ☐ Riêng biệt; ☐ Nửa riêng
- + Tổng chiều dài hệ thống thoát nước mưa riêng:(km)
- + Tổng chiều dài hệ thống thoát nước thải riêng:(km)
- + Tổng chiều dài hệ thống thoát nước chung:(km)
- + Tổng chiều dài hệ thống thoát nước nửa riêng:(km)
- Tổng số hộ (đơn vị) được đấu nối với hệ thống thoát nước:
- + Nước mưa:(hộ)
- + Nước thải:(hộ)
- Số công trình XLNT tập trung:
- Tổng chi phí duy trì hệ thống thoát nước (theo giá trị quyết toán nếu đã quyết toán; theo giá trị dự toán được duyệt nếu chưa quyết toán):
- + Nước mưa:(đồng)
- + Nước thải:(đồng)

2. Đơn vị cung cấp dịch vụ thoát nước

Stt	Tên đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Website
1				
2				
...				

3. Hiện trạng hệ thống thoát nước

a) Mạng lưới thoát nước mưa:

Stt	Hạng mục/tên công trình	Khối lượng (km)	Kết cấu, vật liệu	Tình trạng
1	Rãnh/cống cứng kín			
2	Rãnh cứng hở			

3	Mương đất			
4	Loại khác (ghi cụ thể)			

b) Mạng lưới thu gom nước thải:

Stt	Mạng lưới thu gom	Kích thước đường ống (mm)	Chiều dài mạng lưới (km)	Kết cấu, vật liệu	Tình trạng
1	Tuyến ống cấp 1				
2	Tuyến ống cấp 2				
3	Tuyến ống cấp 3				
Tổng					

c) Khối lượng nước thải sinh hoạt, công nghiệp:

- Khối lượng nước thải sinh hoạt tại các đô thị (khu vực quản lý):

Stt	Tên đô thị	Tổng lượng nước thải phát sinh (m ³)	Tổng lượng nước thải được thu gom, xử lý (m ³)	Tỷ lệ nước thải được thu gom, xử lý (%)
1				
2				
...				
Tổng				

- Khối lượng nước thải tại cụm công nghiệp:

Stt	Tên cụm công nghiệp	Tổng lượng nước thải phát sinh (m ³)	Tổng lượng nước thải được thu gom, xử lý (m ³)	Tỷ lệ nước thải được thu gom, xử lý (%)
1				
2				
...				
Tổng				

đ) Thống kê các trạm xử lý nước thải đô thị đã đầu tư đến nay:

Stt	Tên công trình	Công suất thiết kế (m ³ /ngđ)	Công suất xử lý thực (m ³ /ngđ)	Đơn vị quản lý	Công nghệ xử lý	Chi phí xử lý (đồng/m ³)	Kinh phí đầu tư (triệu đồng)	Phạm vi phục vụ	Năm vận hành
1									
2									
...									

4. Công trình xử lý nước thải đô thị dự kiến hoặc đang đầu tư và xây dựng:

Stt	Hạng mục/tên công trình	Vị trí công trình	Công suất thiết kế (m ³ /ngđ)	Kinh phí đầu tư (triệu đồng)	Thời gian thực hiện
1					

Stt	Hạng mục/tên công trình	Vị trí công trình	Công suất thiết kế ($m^3/ngđ$)	Kinh phí đầu tư (triệu đồng)	Thời gian thực hiện
2					
...					

III. Hiện trạng thoát nước và xử lý nước thải khu công nghiệp, khu chế xuất

1. Thông tin chung

Stt	Tên KCN/KCX	Tên công ty quản lý hạ tầng	Tổng khối lượng nước thải thu gom, xử lý (m^3)	Chi phí dịch vụ thoát nước (đồng/ m^3)	Ghi chú (đã thỏa thuận/ chưa thỏa thuận theo quy định)
1					
2					
...					

2. Mạng lưới thoát nước mưa và thu gom nước thải

a) Mạng lưới thoát nước mưa:

Stt	Tên KCN/KCX	Tổng chiều dài (km)	Loại hệ thống (kín, hở, ...)	Kết cấu (vật liệu) và kích thước	Tình trạng sử dụng
1					
2					
...					

b) Mạng lưới thu gom nước thải:

Stt	Tên KCN/KCX	Tổng chiều dài (km)	Loại hệ thống (kín, hở, ...)	Kết cấu (vật liệu) và kích thước	Tình trạng sử dụng
1					
2					
...					

3. Thống kê các nhà máy, trạm xử lý nước thải đã đầu tư đến nay

Stt	Tên KCN/KCX	Số nhà máy/ trạm XLNT tập trung	Tổng công suất thiết kế ($m^3/ngđ$)	Tổng công suất xử lý thực ($m^3/ngđ$)	Công nghệ xử lý	Năm vận hành
1						
2						
...						

4. Công trình xử lý nước thải dự kiến hoặc đang đầu tư và xây dựng

Stt	Tên KCN/KCX	Số nhà máy/ trạm XLNT tập trung	Tổng công suất thiết kế ($m^3/ngđ$)	Công nghệ xử lý	Thời gian thực hiện
1					
2					
...					

IV. Các chương trình, kế hoạch đã và sẽ thực hiện

1. Các chương trình, kế hoạch đã thực hiện trong năm

.....
.....
.....

2. Dự kiến các chương trình, kế hoạch sẽ thực hiện trong năm tiếp theo

.....
.....
.....

Nơi nhận:

-;
-;
- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

Mẫu số 02 - Đề cương báo cáo về công tác quản lý hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đối với cấp huyện, cấp xã

.....
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm 202...

BÁO CÁO

Về công tác quản lý hệ thống thoát nước và xử lý nước thải năm 202....

I. Cơ quan đầu mối quản lý hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

- Đơn vị quản lý:; Phòng quản lý:
- Họ và tên:; Chức vụ:
- Điện thoại:; Di động:
- Fax:; Email:

II. Hiện trạng thoát nước và xử lý nước thải

1. Thông tin chung

- Nước thải và nước mưa được thoát theo hệ thống: ☐ Chung; ☐ Riêng biệt; ☐ Nửa riêng
- + Tổng chiều dài hệ thống thoát nước mưa riêng:(km)
- + Tổng chiều dài hệ thống thoát nước thải riêng:(km)
- + Tổng chiều dài hệ thống thoát nước chung:(km)
- + Tổng chiều dài hệ thống thoát nước nửa riêng:(km)
- Tổng số hộ (đơn vị) được đầu nối với hệ thống thoát nước:
- + Nước mưa:(hộ)
- + Nước thải:(hộ)
- Số công trình XLNT tập trung:
- Tổng chi phí duy trì hệ thống thoát nước (theo giá trị quyết toán nếu đã quyết toán; theo giá trị dự toán được duyệt nếu chưa quyết toán):
- + Nước mưa:(đồng)
- + Nước thải:(đồng)

2. Đơn vị cung cấp dịch vụ thoát nước

Stt	Tên đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại	Website
1				
2				
...				

3. Hiện trạng hệ thống thoát nước

a) Mạng lưới thoát nước mưa:

Stt	Hạng mục/tên công trình	Khối lượng (km)	Kết cấu, vật liệu	Tình trạng
1	Rãnh/cống cứng kín			
2	Rãnh cứng hở			
3	Mương đất			
4	Loại khác (ghi cụ thể)			

b) Mạng lưới thu gom nước thải:

Stt	Mạng lưới thu gom	Kích thước đường ống (mm)	Chiều dài mạng lưới (km)	Kết cấu, vật liệu	Tình trạng
1	Tuyến ống cấp 1				
2	Tuyến ống cấp 2				
3	Tuyến ống cấp 3				
Tổng					

c) Khối lượng nước thải sinh hoạt, công nghiệp:

- Khối lượng nước thải sinh hoạt tại các đô thị:

Stt	Tên đô thị	Tổng lượng nước thải phát sinh (m ³)	Tổng lượng nước thải được thu gom, xử lý (m ³)	Tỷ lệ nước thải được thu gom, xử lý (%)
1				
2				
...				
Tổng				

- Khối lượng nước thải tại cụm công nghiệp:

Stt	Tên cụm công nghiệp	Tổng lượng nước thải phát sinh (m ³)	Tổng lượng nước thải được thu gom, xử lý (m ³)	Tỷ lệ nước thải được thu gom, xử lý (%)
1				
2				
...				
Tổng				

đ) Thống kê các trạm xử lý nước thải đô thị đã đầu tư đến nay:

Stt	Tên công trình	Công suất thiết kế (m ³ /ngđ)	Công suất xử lý thực (m ³ /ngđ)	Đơn vị quản lý	Công nghệ xử lý	Chi phí xử lý (đồng/m ³)	Kinh phí đầu tư (triệu đồng)	Phạm vi phục vụ	Năm vận hành
1									
2									
...									

4. Công trình xử lý nước thải đô thị dự kiến hoặc đang đầu tư và xây dựng

Stt	Hạng mục/tên công trình	Vị trí công trình	Công suất thiết kế (m ³ /ngđ)	Kinh phí đầu tư (triệu đồng)	Thời gian thực hiện
1					

Stt	Hạng mục/tên công trình	Vị trí công trình	Công suất thiết kế (m ³ /ngđ)	Kinh phí đầu tư (triệu đồng)	Thời gian thực hiện
2					
...					

III. Các chương trình, kế hoạch đã và sẽ thực hiện

1. Các chương trình, kế hoạch đã thực hiện trong năm

.....

.....

2. Dự kiến các chương trình, kế hoạch sẽ thực hiện trong năm tiếp theo

.....

.....

Nơi nhận:

-;
-;
- Lưu: VT, ...

CHỦ TỊCH

Phụ lục VIII
Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa từng lĩnh vực
thuộc phạm vi quản lý của các sở, ngành trên địa bàn tỉnh
(Kèm theo Quyết định số 12 /2020/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Tên đề cương và biểu mẫu báo cáo
1	Mẫu đề cương – Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của các sở, ngành trên địa bàn tỉnh
2	Biểu số 01 – Tình hình tiếp nhận hồ sơ công tiêu chuẩn áp dụng
3	Biểu số 02 – Tình hình tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy
4	Biểu số 03 – Kết quả thanh tra, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất/trong nhập khẩu/trong lưu thông
5	Biểu số 04 – Tình hình ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương

Mẫu đề cương báo cáo – Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của các sở, ngành trên địa bàn tỉnh

.....

.....

Số: /BC-.....

Tây Ninh, ngày tháng năm 20...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của các sở, ngành trên địa bàn tỉnh

I. Về đánh giá sự phù hợp và quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa

1. Tình hình xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý.

Biểu số 1: Tình hình công bố tiêu chuẩn áp dụng.

Biểu số 2: Tình hình công bố hợp quy.

2. Tình hình và kết quả thanh tra, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý.

Biểu số 3: Kết quả thanh tra, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất/trong nhập khẩu/trong lưu thông.

II. Về Quy chuẩn kỹ thuật địa phương

Tình hình kết quả xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương

Biểu số 4: Tình hình kết quả xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương

III. Công tác phối hợp với các sở, ngành về việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

IV. Nhận xét, đánh giá

Nhận xét, đánh giá chung về tình hình chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý; công tác quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa; công tác phối hợp trong kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

V. Đề xuất, kiến nghị

Những vấn đề còn tồn tại trong công tác quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa, giải pháp và kiến nghị với UBND tỉnh, các Bộ, ngành liên quan, kiến nghị với Chính phủ (nếu có).

Nơi nhận:

-;
-
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 01 – Tình hình tiếp nhận hồ sơ công tiêu chuẩn áp dụng

.....
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày tháng năm 20...

TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN HỒ SƠ CÔNG TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

STT	Tên/Địa chỉ tổ chức, cá nhân công bố	Tên sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường	Số hiệu tiêu chuẩn	Năm công bố
1				
2				

Người lập biểu

Tây Ninh, ngày tháng năm
Thủ trưởng
Ký tên, đóng dấu

Biểu số 02 – Tình hình tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy

.....
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Tây Ninh, ngày tháng năm 20...

TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN HỒ SƠ CÔNG BỐ HỢP QUY

STT	Số tiếp nhận	Tên/Địa chỉ tổ chức, cá nhân công bố	Tên sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường	Số hiệu tiêu chuẩn/quy chuẩn	Loại hình đánh giá		Ngày/tháng/năm tiếp nhận
					Bên thứ nhất (tên tổ chức chứng nhận đã đăng ký/được chỉ định)	Bên thứ ba (tự đánh giá)	
1							
2							

Tổng số hồ sơ công bố hợp chuẩn/hợp quy đã tiếp nhận:.....

Người lập biểu

Tây Ninh, ngày tháng năm
Thủ trưởng
Ký tên, đóng dấu

Biểu số 03 – Kết quả thanh tra, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất/trong nhập khẩu/trong lưu thông

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày tháng năm 20...

**KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA TRONG SẢN XUẤT/
 TRONG NHẬP KHẨU/TRONG LƯU THÔNG**

STT	Chủng loại hàng hóa được thanh tra, kiểm tra	Số cơ sở được thanh tra, kiểm tra	Số lượng SPHH được thanh tra, kiểm tra	Hàng hóa vi phạm		Cơ sở vi phạm		Kết quả xử lý
				Số lượng	Giá trị	Số lượt cơ sở vi phạm	Số lượt cơ sở bị xử lý	
1								
2								
Tổng								

Người lập biểu

Tây Ninh, ngày tháng năm
Thủ trưởng
Ký tên, đóng dấu

Biểu số 04 – Tình hình ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương

.....
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày tháng năm 20...

TÌNH HÌNH BAN HÀNH QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG

STT	Số Quyết định	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Tên quy chuẩn kỹ thuật địa phương	Ký hiệu quy chuẩn địa phương
1					
2					
3					

Người lập biểu

Tây Ninh, ngày tháng năm
Thủ trưởng
Ký tên, đóng dấu

